

TẢN ĐÀ - NHÀ VĂN HÓA TIỀN ĐẠO

TÂM DƯƠNG

Trăm năm thơ, tài, rượu vô
Nghìn năm thi sĩ, tửu đồ là ai?

(Tản Đà)

Hành trạng và sự nghiệp văn chương của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1889—1939) thường để lại cho thế nhân ấn tượng: đó là một thi sĩ nặng lòng « ưu quốc ái dân »:

Nghĩ thân thể mềm gan lắm lúc
Nhìn non sông bạc tóc như chơi

(Thư lại trách người tình nhân không quen biết)

đồng thời là một tửu đồ lúc ngấm men thì ngắt ngưỡng cái nồng:

Đất say đất cũng lăn quay
Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười?

(Lại say)

Thăm hỏi con người này kỹ lưỡng hơn, ta sẽ thấy quãng đời khá ngắn ngủi của ông (chỉ mới đạt cấp « tri thiên mệnh ») chưa đựng những hoạt động phong phú không những về văn học mà còn cả về văn hóa nói chung; và điều rất đáng kể là trên trận địa văn hóa, nhiều khi Nguyễn Khắc Hiếu đã đứng ở vị trí tiên đạo: « phiêu lưu tên lính đội tiên phong » (*Giấc mộng lớn*). Có thể kể ra sau đây một số biểu hiện của tinh tiên đạo « tiên phong » ấy.

1. Người « đã đạo nhưng bản dân mở đầu cho một cuộc hóa nhạc tân kỳ » (Hoài Thanh) của chủ nghĩa lãng mạn trong văn học Việt Nam hiện đại.

Tất nhiên lãng mạn vốn là một tổ tinh trong văn học quá khứ, từ văn học dân gian đến *Truyện Kiều*; nhưng chỉ đến văn chương Tản Đà thì tổ tinh đó mới đột biến thành một chủ nghĩa với sắc hương khá đậm đà hoàn chỉnh:

a) Thái độ khẳng định cái bản ngã lừng lừng phi phong kiến (*Giấc mộng con* I, II; *Giấc mộng lớn*; *Hầu Trời*...) đến mức Phạm Quỳnh năm 1918 đã nặng lời so sánh với hành động của « người cuồng... trên trường di ngoài phố ».

b) Một trái tim rất mực đa tình mê đắm các tiên nữ trên trời và dưới trần các giai nhân đang sống và đã khuất từ nghìn năm trước (Chiêu Quân, Tây Thi, Dương quý phi...), giai nhân hiện thực và trong mộng (Chu Kiều Oanh), giai nhân « quen biết » cũng như « không quen biết »:

Ai những nhớ ai, ai chẳng nhớ
Đề ai lưỡng những nhớ ai hoài.

(Thư lại trách người tình nhân không quen biết)

c) Một mối « *thiên cổ sầu* » mệnh mang: « Sầu không có mối, chêm sao cho đứt; sầu không có khối, đập sao cho tan » (*Giải sầu*) — Sau câu linh xứng ấy là cả giàn hợp xứng rộ lên bề thấp bề cao: « *lời buồn không biểu vì sao tôi buồn* » (Xuân Diệu), « *Một chiếc linh hồn nhỏ; Mang mang thiên cổ sầu* » (Huy Cận)...

d) Một tâm trạng cô đơn của kẻ lưu đày: « *Biết người tri kỷ đâu đây mà tìm* » (*Vớ đũa*) và bao nhiêu tri kỷ ở cả chốn thiên đình » (*Giấc mộng con II*) — Tâm trạng này sẽ là một nửa trái tim của văn chương lãng mạn tiếp nối theo.

e) Cái *văn phong ngạo ngạo* hoàn toàn xa lạ với đức khiêm cung của người quân tử trong *Lễ ký*:

Trời lại phê cho: Văn thật tuyệt!

Văn trần được thế chắc có ít?

(Hầu Trời)

Sau này Nguyễn Tuân mở đầu cuốn *Nguyễn* với dòng đề từ trang trọng: « *Kính tặng Tôi* » hẳn là biểu hiện xuất sắc của việc thừa kế phong độ này:

g) Khả năng *tưởng tượng mãnh liệt* để đắm mình vào thế giới mộng ảo (*Giấc mộng con I, II; Nói chuyện với bóng; Nói chuyện với ảnh...*) trong đó ẩn hiện những giấc mộng giang hồ về sau cũng đã quyền rũ biết bao thi sĩ trẻ: Thế Lữ « *Rũ áo phong sương trên gác trọ* », Lưu Trọng Lư « *nửa đời phiêu lãng* », Nguyễn Tuân « *Đi không phải có nơi để mà đến mà là có nơi để mà bỏ* », rồi Nguyễn Bình « *Lang thang anh đạm bán thuyền* »...

50 năm về trước, Xuân Diệu đã kết luận về « *Công của thi sĩ Tân Đà* » là: « *Người thi sĩ đầu tiên mở đầu cho thơ Việt Nam hiện đại* » (*Tao đàn* — 1939).

2. Bàn tay đầu tiên « *phá cách vượt điệu luật* » thơ cũ

Năm 1932 vấn đề « *thơ mới* » mới chính thức được « *trình chánh giữa làng thơ* », nhưng trước đó hàng chục năm thi sĩ Tân Đà đã lặng lẽ sáng tác « *thơ mới* » rồi « *Hoa rặng, Còn chơi, Non xanh xanh; Cảm thu tiễn thu...* » Năm 1934, Tân Đà thử thi với mọi người: « *Những điệu thơ đó thật tự tại đặt ra, không theo niêm luật ở đâu hết. duy tôi không gọi nó là, « *thơ mới* » mà « *thơ* »* » (*Tiểu thuyết thứ bảy* — 1934).

Thi tứ mới tất yếu đòi hỏi sự nảy sinh những phương thức biểu hiện mới. Với những bài « *thơ mới* » không tuyên ngôn, Tân Đà đã « *ngõng* » trong từ, trong từ và trong cách đó:

Lộng hoàn này điệu từ đầu trước?

Họa được hay không, tớ đỡ đời!

(Còn chơi)

3. Cay bút « *khai sơn phá thạch* » trong văn xuôi quốc ngữ

Trong nền văn xuôi quốc ngữ phôi thai khoảng vài chục năm đầu thế kỷ 20, Tân Đà là:

a) Người đầu tiên viết *ký* (bút ký, tùy bút...): Năm 1915, *Đông Dương tạp chí* đăng những bài văn xuôi đầu tay của Tân Đà thì đã phải mở thêm một mục mới gọi là *Một lối văn xuôi*, (*Spécimen de prose*); đến số 25 thì đổi thành *Tân Đà văn tập* với những lời ca ngợi: « *Nguyễn Khắc Hiếu cũng là một bậc văn sĩ có biệt tài, có lý tưởng riêng, ngấm cảnh vật một cách kỳ khôi, lạ thay cho một bậc thiếu niên* ».

b) Người đầu tiên: viết truyện dài: *Giấc mộng con I* (1917); *Thần tiên* (1919) viết tiểu thuyết khoa học viễn tưởng: *Giấc mộng con I*; và viết tự truyện: *Giấc mộng lớn*: (1929).

Dương Bá Trạc đã khẳng định công lao của Tân Đà trong việc xây dựng nền văn xuôi quốc ngữ thuở ban đầu: «Mười, mười lăm năm nay, sĩ phu trong nước mới có cái khuynh hướng về văn quốc âm... Ông Nguyễn Khắc Hiếu chính là một tay kiện tướng trên trường văn mặc (1) ấy» (1918).

4. Một trong những bản tay đầu tiên khơi dòng chảy văn học hiện thực phê phán.

Từ trước 1920, yếu tố hiện thực phê phán đã khá đậm đà trong các tập, *Khởi tình Giấc mộng, Thần tiên...*; cho tới lúc xuất bản được *An Nam tạp chí*, Tân Đà liền cho mở hai hai mục: *Việt Nam nhị thập thế kỷ - Xã hội thiên đàm* và *Việt Nam nhị thập thế kỷ - Xã hội ba đảo kỳ* với chủ trương rõ ràng muốn làm việc «thứ kỳ của thời đại». Tân Đà đã khai bút cho hai mục này; rồi cũng từ ngày ấy, với mấy chục truyện ngắn đăng liên tục trong mục *Xã hội ba đảo kỳ* (mở đầu là *Hai thăng khổ nạn* - ANTC số 12, tháng 7 - 1930), Nguyễn Công Hoan dần dần tự khẳng định vị trí một cây bút hiện thực phê phán xuất sắc - Cũng nên lưu ý thêm rằng: trong khi làm biều lộ những nỗi đau nhân thế, trái tim Tân Đà thường cảm thương trước nỗi bất hạnh của hai hạng người: *giai nhân và nghệ sĩ*, những kiếp *tài-tình* «Cùng một giấc mơ màng trong vũ trụ» (*Đời dằng chân*)

5. Một nhà báo kỳ cựu.

Tân Đà tham gia hoạt động báo chí rất sớm với những bài đăng trên *Đông Dương tạp chí* từ 1915. Năm 1921, Nguyễn Khắc Hiếu làm chủ bút báo *Hữu Thanh*. Cuối năm 1927, Tân Đà phụ trách phần *Văn chương* của *Đông Pháp thời báo* Hoạt động báo chí của Tân Đà chủ yếu là với tờ *An Nam tạp chí* (1926 - 1932) một tờ báo chết đi sống lại đến 3 lần... - Và không biết chúng ta có nên theo *Giấc mộng con II* để kể thêm rằng Tân Đà còn tham gia «lưu báo với cụ Hãn Thuyền» trên Thiên đình được Trời ban khen là nhờ có Tân Đà ra tay giúp cho mấy mục «xã thuyết văn uyển, thời sự, tiểu thuyết» mà *Thiên triều nhật báo* **tấn tới làm?**

6. Tác gia tiên phong «Bản văn buồn chữ kiếm tiền tiêu».

Xã hội phong kiến không có nghề văn, văn chương là để hoặc du hí, hoặc tải đạo; đến thời thực dân nửa phong kiến thì trước Tân Đà ở nước ta vẫn chưa có nhà văn chuyên nghiệp. Tân Đà là nhà văn Việt Nam đầu tiên dám sống bằng sáng tác, thậm chí: «Vợ đại con thơ, sự sinh hoạt trông nhờ một ngọn bút» (*Giấc mộng con II*). Nhưng than ôi: «Văn chương hạ giới rẻ như bèo» (*Hầu Trời*), nên đầu thì sĩ Tân Đà có đạt yêu cầu rất thấp là «Bản văn buồn chữ kiếm ăn xoàng», thì cũng còn xa lắm mới đạt được mục đích ấy - Kế tục là:

Khi làm chủ báo, lúc viết mướn
Hai chục năm dư cảnh khổn cùng...
...Ngày xuân như ngựa đầu xanh bạc
Chán cả giang hồ hết cả ngồng!

(Tiễn ông Công lên Trời)

(1) Hãn mặc: mở hội và mục, nghĩa là lao động trí óc.

7. Một trong những người biên soạn sớm nhất sách giáo khoa quốc ngữ.

Đó là những cuốn *Lên sáu* (1919), *Lên tám* (1920) có thể coi như «luận lý giáo khoa thư»; *Tam tự kinh An Nam* (1928): có thể coi như sách dạy ngoại ngữ và *Quốc sử huấn mông* (1924) với mục đích giáo dục nhi đồng tinh thần tự hào dân tộc, lòng biết ơn tổ tiên (đặc biệt trong các phần sử luận) — để có «quan điểm lịch sử về linh hữu ích của *Quốc sử huấn mông* đối với đương thời, có lẽ nên đọc lại một đoạn hồi ký của Vũ Ngọc Phan ghi nhận tác dụng của trước tác sử học quốc ngữ giai đoạn trước 1930: «Lúc bấy giờ chúng tôi (Vũ Ngọc Phan và Hàng Phương—T.D.) chưa có Nam sử bằng quốc ngữ, mãi năm 1929, chúng tôi mới mua được quyển *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim và mới biết được rõ hơn những thời đại oanh liệt rất đáng tự hào của dân tộc ta, còn trước kia tôi chỉ được nghe kể qua loa về Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ» (*Những năm tháng ấy*, tr. 149—1987).

8. Triết gia đầu tiên rao giảng triết học bằng quốc ngữ.

Triết học của Tân Đà là thuyết *Thiên lương* xuất hiện trên *Đông dương tạp chí* từ 1915 mà sự truyền bá triết thuyết ấy được Tân Đà xem là một thiên chức thiêng liêng do Thượng đế giao phó:

...Việc Thiên lương của nhân loại
Cho con xuống thuật cùng đời hay

(Hầu trời)

9. Người có những đóng góp tân kỳ trong những lĩnh vực hoạt động sân khấu; dịch thuật...

Tân Đà đã sáng tác, tham gia đạo diễn, chọn diễn viên tuồng (và đã tuyên chọn diễn viên một cách đích đáng: cô Liên trong vở *Tây Thi*); về phương diện dịch thuật cho đến ngày hôm nay, có lẽ chưa ai vượt được Tân Đà trong việc dịch *Đương thi*; Tân Đà cũng đã chú giải *Truyện Kiều* một cách đầy cá tính...

10. Nhà văn hóa mở rộng khai vị cho nghệ thuật «miếng sống, miếng chin».

Quan tâm đến nghệ thuật ẩm thực ngang với nghệ thuật thơ ca, Tân Đà vừa sáng tác thơ vừa sáng chế các món ăn kỳ dị như cá tính ông: gỏi cua đồng, vịt hấp hoa sen non, cá nấu hoa cúc, chả rau sắng, thịt thăn lẫn xào («ngon hơn thịt cá rô»)...—Những sáng tạo ẩm thực này về sau được Nguyễn Tố thu thập lại trong cuốn *Tân Đà thực phẩm* (*Duy tân thư xã*—1943). Triết lý «miếng sống, miếng chín» của Tân Đà có thể quy lại ở một câu ông thường nói: ẩm thực phải «là một nghệ thuật, mà nghệ thuật ăn còn khó hơn nghệ thuật viết văn». Không dám nhất bên trong văn hóa tinh thần mà nhất bên khinh văn hóa vật chất, Tân Đà luôn luôn trau dồi nghệ thuật nấu nướng, và thường tuyên bố rằng thực chất tài cán của ông thì: «Chú bút bất như chủ bếp» (ANTC, ngày 3-4-1932) — Về sau, Nguyễn Tuân cũng sẽ là môn đệ xứng đáng của Tân Đà trong văn hóa «miếng sống, miếng chín» (Phở, Giò...).

v.v... và v.v...

Cũng bởi suốt đời phải gian nan «trấn thủ lưu đồn» ở nhiều vị trí tiền đạo hiem yếu của trận địa văn hóa, xa cách với cái đám trung quân, hậu quân bình phàm mà sống yên ổn, Tân Đà đã có lúc như ngậm ngùi: «Ta nghĩ mà ta chẳng

(Xem tiếp trang 13)